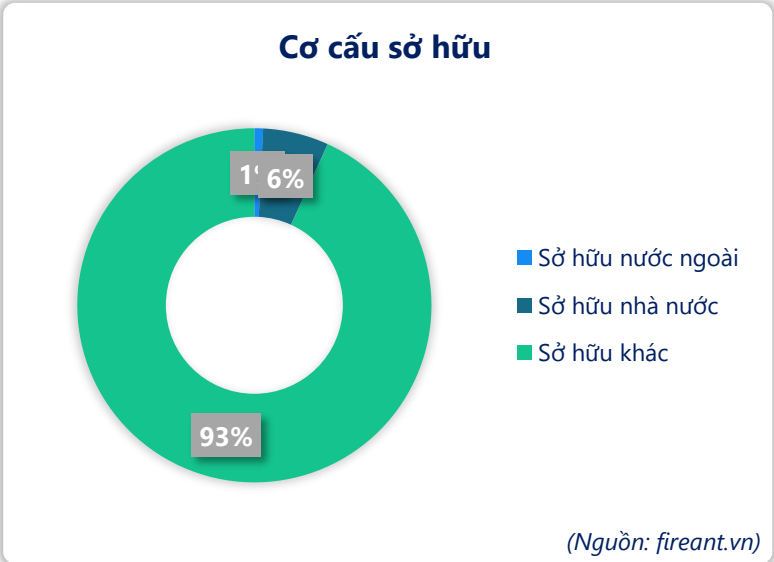
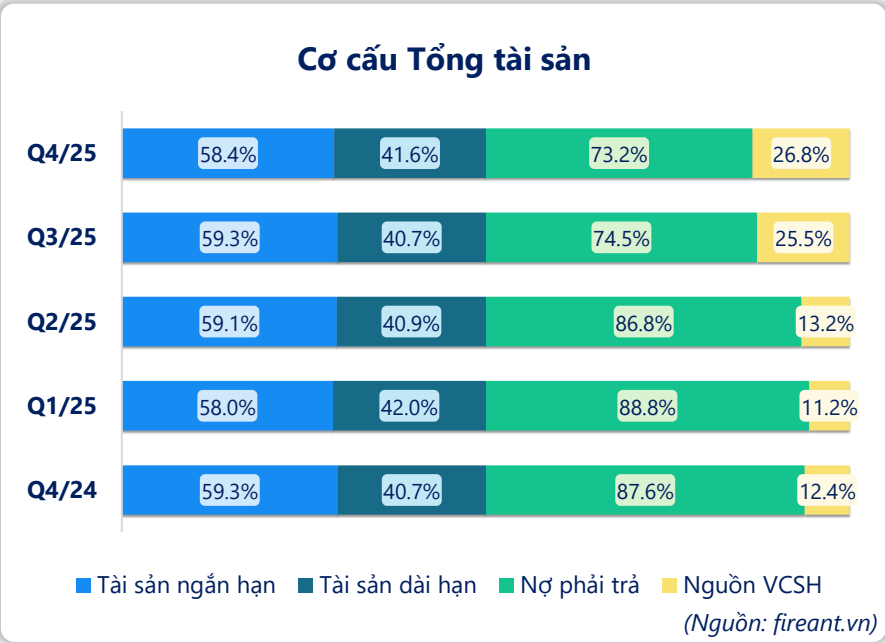
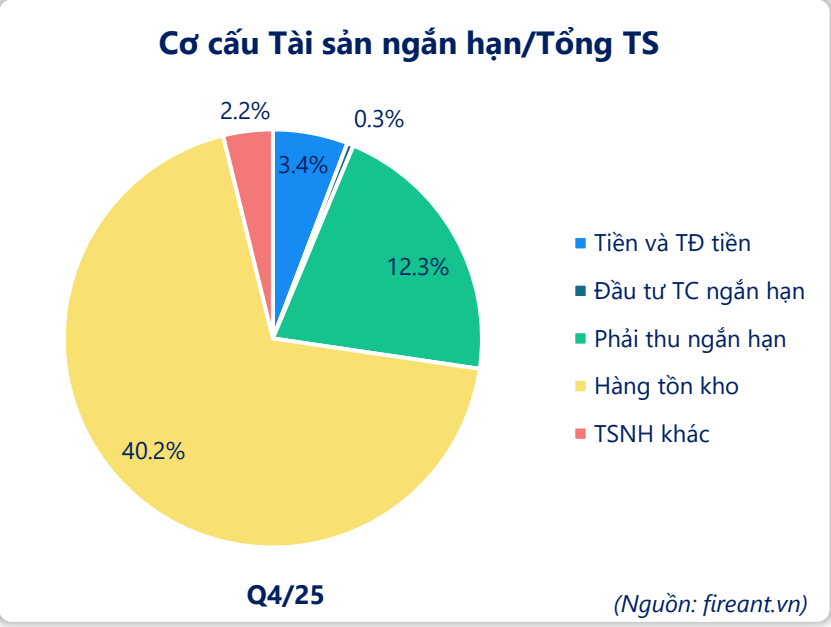
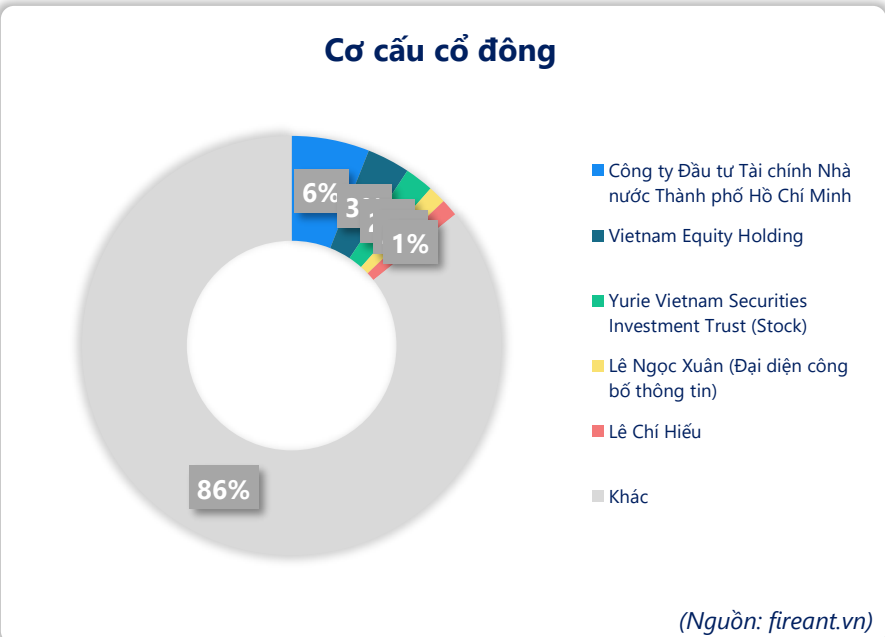
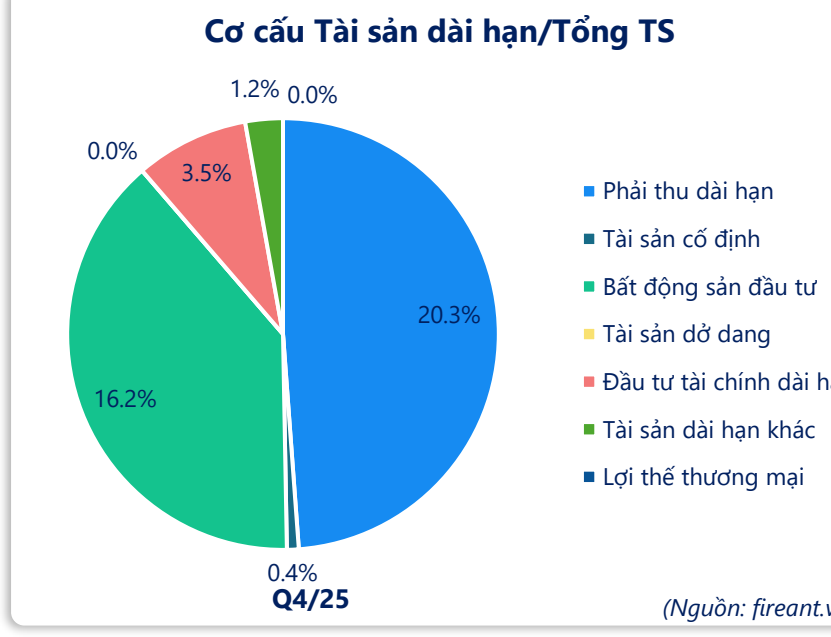
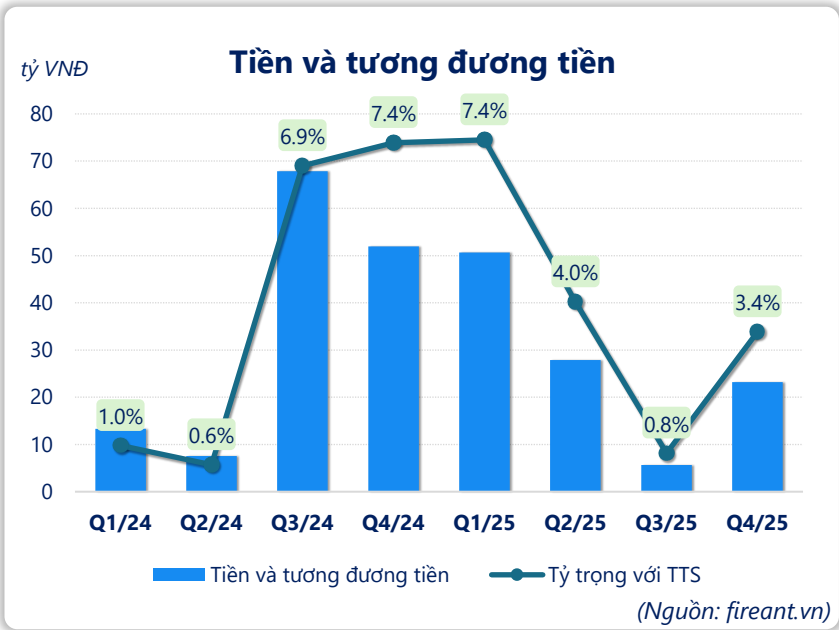
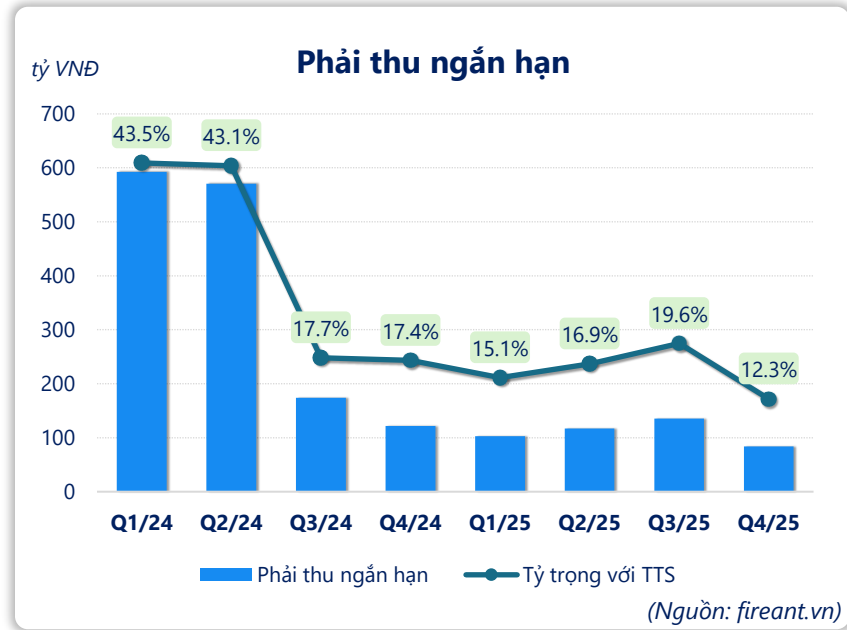
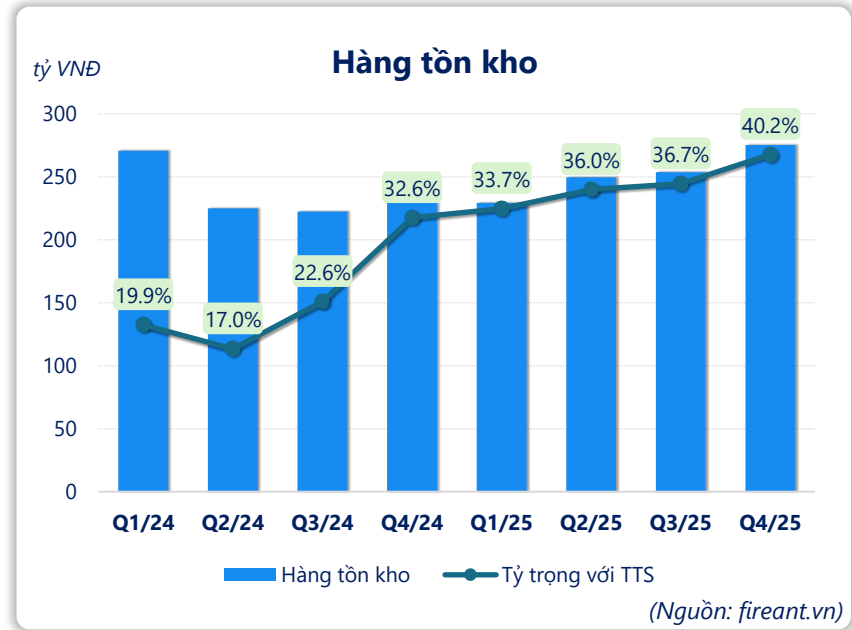
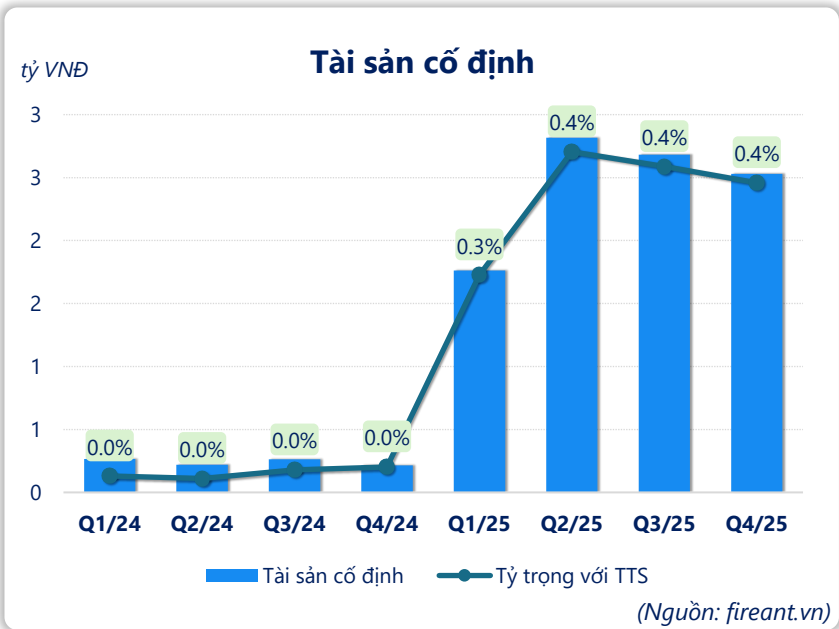
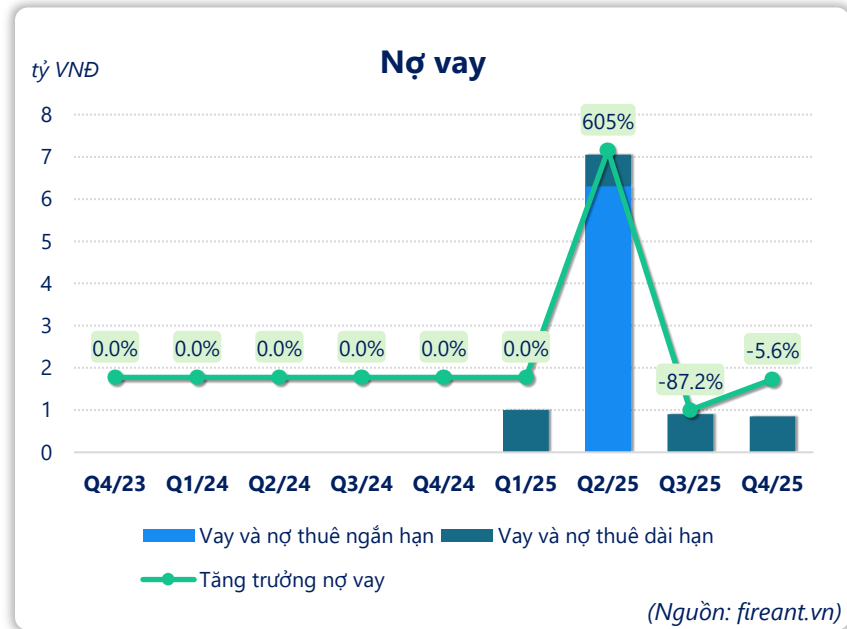
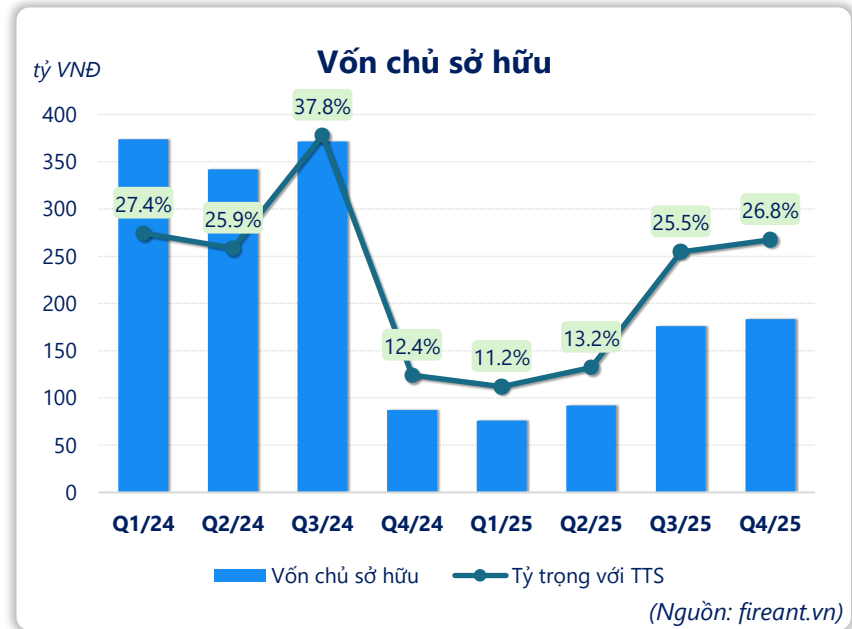
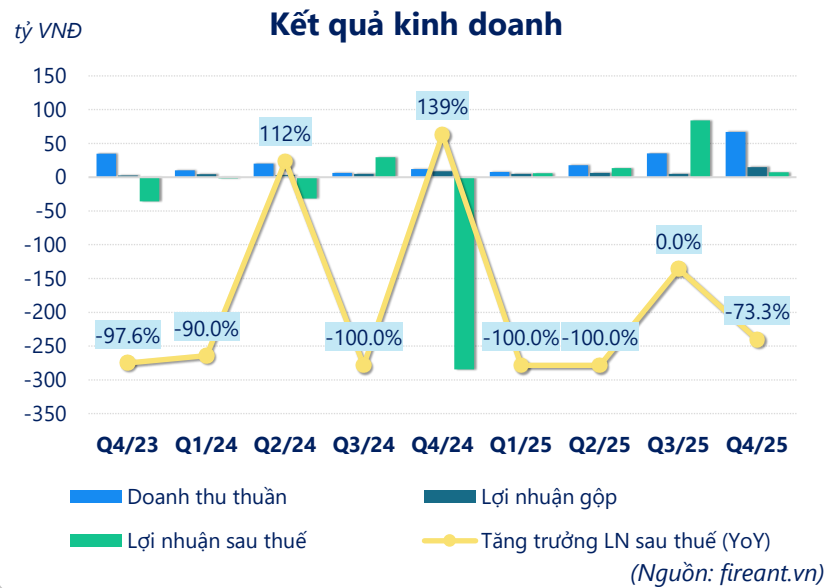
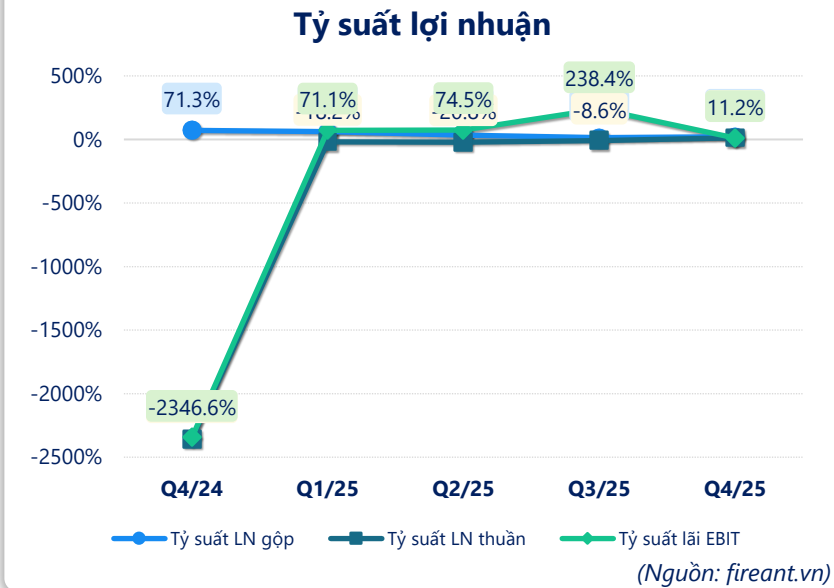
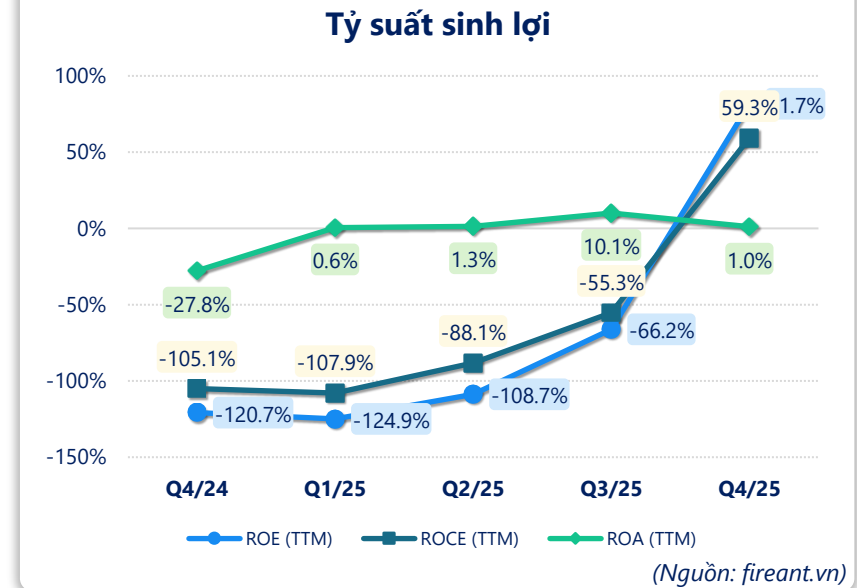
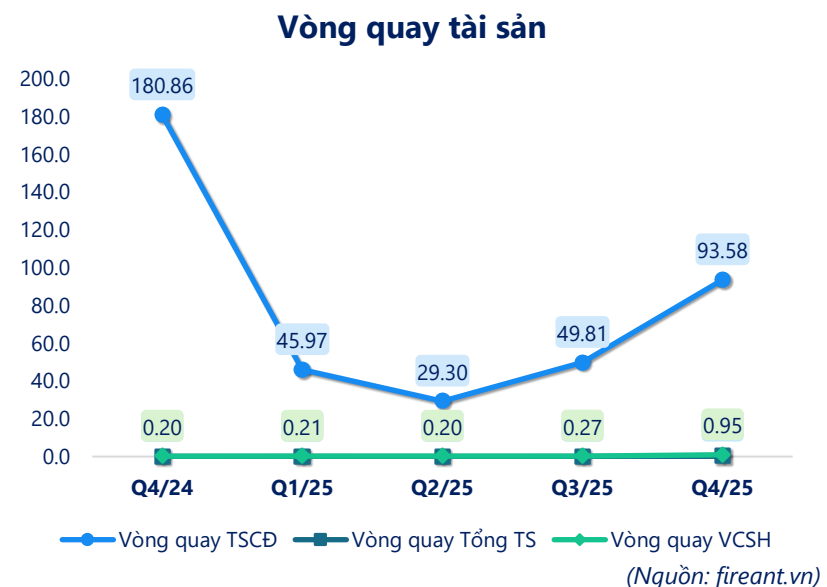
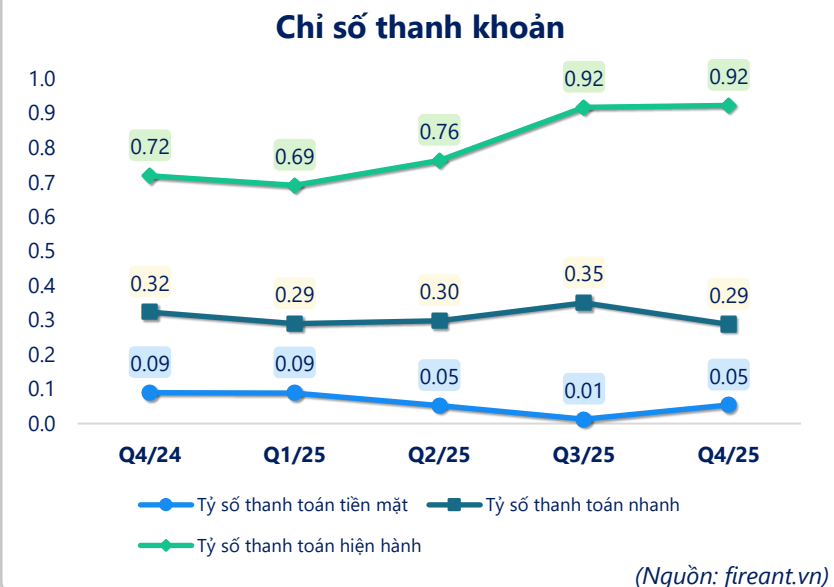
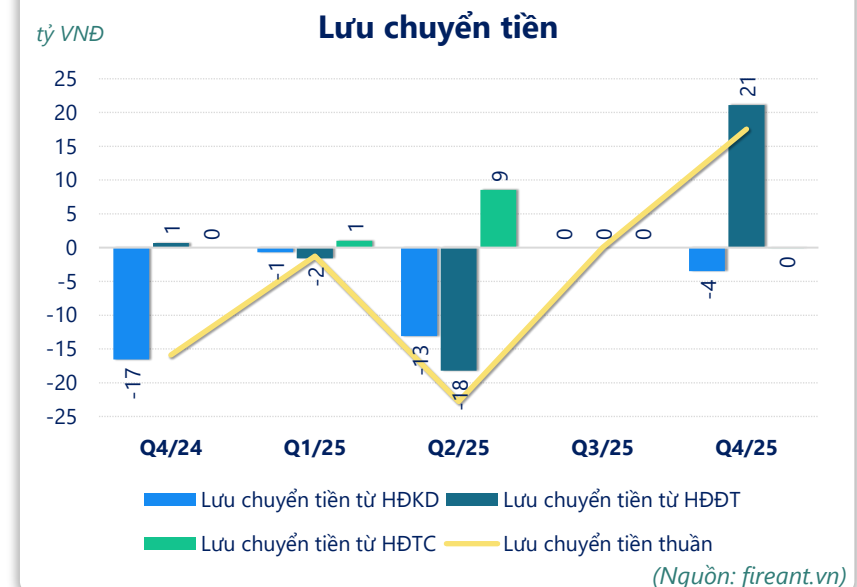


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,370
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,420
SL cổ phiếu LH		112,652,767
KLGD BQ 20 phiên (CP)		131,910
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		492
P/E		4.5
EPS		982

	YTD	1T	3T	6T
TDH	42.8%	-7.8%	-12.9%	0.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	685	686	0.0%
Tài sản ngắn hạn	400	400	0.0%
Tiền và tương đương tiền	23.2	51.9	-55.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.96	2.40	-18.0%
Phải thu ngắn hạn	84.1	106	-20.6%
Hàng tồn kho	275	229	20.1%
Tài sản ngắn hạn khác	15.3	10.4	47.6%
Tài sản dài hạn	285	286	-0.1%
Phải thu dài hạn	139	134	3.7%
Tài sản cố định	2.53	0.21	1083%
Bất động sản đầu tư	111	117	-5.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	24.3	25.6	-5.2%
Tài sản dài hạn khác	8.03	8.07	-0.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	502	615	-18.4%
Nợ ngắn hạn	433	580	-25.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	141	144	-2.0%
Nợ dài hạn	68.6	35.3	94.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.85	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	183	70.5	160%
Vốn chủ sở hữu	183	70.5	160%
Vốn điều lệ	1,127	1,127	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	12.1	7.99	17.8	35.5	67.0
Giá vốn hàng bán	3.46	3.14	11.7	30.4	52.1
Lợi nhuận gộp	8.62	4.86	6.14	5.07	14.9
Doanh thu HĐTC	0.83	1.15	2.06	1.85	2.36
Chi phí TC	-0.25	0.41	0.21	1.78	1.89
Chi phí lãi vay	0	0	0.02	0.04	0.02
LN trong công ty LKLD	0.00	0	0.01	0	-0.19
Chi phí bán hàng	0.69	0.17	0.58	2.21	2.65
Chi phí QLDN	294	6.88	11.1	5.97	3.85
LN thuần từ HĐKD	-285	-1.46	-3.71	-3.04	8.69
Lợi nhuận khác	1.32	7.14	17.0	87.5	-1.18
LN trước thuế	-284	5.68	13.3	84.5	7.51
Lợi nhuận sau thuế	-284	5.68	13.2	84.2	7.27
LNST của CĐ cty mẹ	-284	5.67	13.3	84.4	7.27

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-16.6	-0.69	-13.1	0	-3.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.67	-1.58	-18.2	0	21.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	1.00	8.55	0	-0.05
Tiền đầu kỳ	67.8	51.9	50.7	0	5.65
Lưu chuyển tiền thuần	-15.9	-1.26	-22.8	0	17.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	51.9	50.7	27.9	0	23.2

(Nguồn: fireant.vn)